

Số: 80 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 13 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng Hải Dương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

- Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 03/TTr-SXD ngày 13 tháng 01 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 21 thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng (trong đó, 15 thủ tục hành chính cấp tỉnh; 06 thủ tục hành chính cấp huyện). Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1334/QĐ-SXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Chi tiết, có Phụ lục đính kèm).

### **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, niêm yết, công khai, giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp nội dung thủ tục hành chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết, công khai, tổ chức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định; xây dựng, trình phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Sở quản lý công trình xây dựng có trách nhiệm tổ chức công khai và xây dựng, trình phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoàn trong thời hạn 02 ngày kể từ khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TTPVHCC (01b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Hùng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG; CÁC SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH; BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí; lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Dự án nhóm A không quá 35 ngày; - Dự án nhóm B không quá 25 ngày; - Dự án nhóm C không quá 15 ngày.	- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ	Quy định tại Biểu 1: Biểu mức thu phí thẩm định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

				<p>thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ tiếp nhận Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định);</li> <li>- Quỹ tiếp nhận Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;</li> <li>- Quỹ tiếp nhận Sở Công Thương đối với dự án, công trình</li> </ul>	<p>thẩm định dự án đầu tư xây dựng đính kèm</p>	<p>Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</p> <p>Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</p>
--	--	--	--	--	---	--

				<p>thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);</p> <p>- Quầy tiếp nhận Ban Quản lý khu công nghiệp đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp.</p>		
2.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	<p>Kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I;</li> <li>- Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II, III;</li> <li>- Không quá 20 ngày đối với công trình cấp còn lại.</li> </ul>	<p>- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình</p>	<p>Quy định tại Biểu 2: Biểu mức thu phí thẩm định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt</li> </ul>

				<p>đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);</p> <p>- Quầy tiếp nhận Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định);</p> <p>- Quầy tiếp nhận Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;</p> <p>- Quầy tiếp nhận Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình</p>	<p>dựng đính kèm</p>	<p>động xây dựng;</p> <p>- Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng</p>
--	--	--	--	---	----------------------	--

				<p>công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);</p> <p>- Quầy tiếp nhận Ban Quản lý khu công nghiệp đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp.</p>		
3.	<p>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự</p>	<p>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự</p>	<p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định</p>	<p>- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện;</p> <p>- Quầy tiếp nhận Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong Khu công nghiệp theo phân cấp của UBND</p>	<p>- Trường hợp Nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000đ/giấy phép</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức online: 75.000đ/giấy phép</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</p> <p>- Nghị quyết số</p>

	án).	án).		tỉnh;		17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.
4.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy	- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện; - Quầy tiếp nhận Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong Khu công nghiệp theo phân cấp của UBND	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000đ/giấy y phép - Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức online: 75.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số



	án)	án)	định	tỉnh;		17/2016/NQ- HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ- HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương
5.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy	- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện; - Quầy tiếp nhận Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong Khu công nghiệp theo phân cấp của UBND	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000đ/giấy phép - Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức online: 75.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số

			định	tỉnh;		17/2016/NQ- HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ- HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.
6.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện; - Quầy tiếp nhận Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong Khu công nghiệp theo phân cấp của UBND	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000đ/giá y phép - Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức online: 75.000đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ- CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số

	án)	án)		tỉnh;		17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.
7.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện; - Quầy tiếp nhận Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong Khu công nghiệp theo phân cấp của UBND	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 15.000đ/giấy phép - Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức online: 7.500đ/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số

	trong đô thị/Dự án).	trong đô thị/Dự án).		tỉnh;		17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.
8.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện; - Quầy tiếp nhận Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II trong khu công nghiệp.	Không quy định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

## A2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí; lệ phí	Căn cứ pháp lý
9.	<p>Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III</p> <p>Thủ tục Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III</p> <p>Thủ tục Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III</p>	Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	<p>- Trả kết quả đánh giá hồ sơ (thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát hạch, thông báo thời điểm tổ chức sát hạch): 45 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ,</p> <p>- Trả chứng chỉ hành nghề (cá nhân đạt sát hạch): 10 ngày từ ngày sát hạch</p>	- Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, TPHD hoặc Nộp online	<p>- Trường hợp nộp trực tiếp: 300.000 đồng</p> <p>- Trường hợp nộp online: 240.000 đồng áp dụng từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ</p>

						<p>phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài Chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến</li> </ul>
10.	<p>Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)</p> <p>Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng</p>	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, TPHD hoặc Nộp online	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp trực tiếp: 150.000 đồng</li> <li>- Trường hợp nộp online: 120.000 đồng áp dụng từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và</li> </ul>

	<p>II, hạng III (bị ghi sai thông tin)</p> <p>Thủ tục Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III</p>					<p>biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</p> <p>- Thông tư 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài Chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến</p>
--	---	--	--	--	--	--

11.	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề của cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư tại nước ngoài	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, TPHD hoặc Nộp online	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp trực tiếp: 300.000 đồng</li> <li>- Trường hợp nộp online: 240.000 đồng áp dụng từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.</li> <li>- Thông tư 63/2023/TT-BTC</li> </ul>
-----	--	---	---	--	---	--



						ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài Chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến
12.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, TPHD hoặc Nộp online	- Trường hợp nộp trực tiếp: 1.000.000 đồng - Trường hợp nộp noline: 800.000 áp dụng từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC

						<p>ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</p> <p>- Thông tư 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài Chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến</p>
13.	<p>Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)</p> <p>Cấp lại chứng chỉ năng lực</p>	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức	<p>- Trường hợp nộp trực tiếp: 500.000 đồng</p> <p>- Trường hợp nộp online: 400.000 áp dụng từ 01/01/2024</p>	<p>Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP</p>

	<p>hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)</p>			<p>Thăng, TPHD hoặc Nộp online</p>	<p>đến hết ngày 31/12/2025</p>	<p>ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.  - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư  - Thông tư 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài Chính nhằm</p>
--	--	--	--	------------------------------------	--------------------------------	--

						khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến
14.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, TPHD hoặc Nộp online	- Trường hợp nộp trực tiếp: 2.000.000 đồng - Trường hợp nộp online: 1.600.000 áp dụng từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành

						nghề kiến trúc sư - Thông tư 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài Chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến
15.	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Quầy tiếp nhận Sở Xây dựng Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, TPHD hoặc Nộp online	- Trường hợp nộp trực tiếp: 2.000.000 đồng. - Trường hợp nộp online: 1.600.000 áp dụng từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây

						<p>dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư</li><li>- Thông tư 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài Chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến</li></ul>
--	--	--	--	--	--	--

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THỂ CẤP HUYỆN (Được công bố tại Quyết định 1334/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Xây dựng)**

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí; lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<p><b>- Đối với công trình:</b></p> <p>+ Trường hợp nộp trực tiếp: 150.000đ.</p> <p>+ Trường hợp nộp bằng hình thức online: 75.000đ.</p> <p><b>- Đối với nhà ở riêng lẻ:</b></p> <p>+ Trường hợp nộp trực tiếp: 50.000đ</p> <p>+ Trường hợp nộp bằng hình thức online: 25.000đ</p>	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</p> <p>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương;</p> <p>- Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương</p>

2.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<b>- Đối với công trình:</b> + Trường hợp nộp trực tiếp: 150.000đ. + Nộp online: 75.000đ. <b>- Đối với nhà ở riêng lẻ:</b> + Trường hợp nộp trực tiếp: 50.000đ + Nộp bằng hình thức online: 25.000đ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương
3.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<b>- Đối với công trình:</b> + Trường hợp nộp trực tiếp: 150.000đ. + Trường hợp nộp	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;



	tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định		online: 75.000đ. <b>- Đối với nhà ở riêng lẻ:</b> + Trường hợp nộp trực tiếp: 50.000đ + Trường hợp nộp bằng hình thức online: 25.000đ	- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương
4.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<b>- Đối với công trình:</b> + Trường hợp nộp trực tiếp: 150.000đ. + Trường hợp nộp online: 75.000đ. <b>- Đối với nhà ở riêng lẻ:</b> + Trường hợp nộp trực tiếp: 50.000đ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều

	đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.			+ Trường hợp nộp bằng hình thức online: 25.000đ	và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.
5.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Trường hợp nộp trực tiếp: 10.000đ + Trường hợp nộp bằng hình thức online: 7.500đ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Nghị quyết số

	đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.				17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương; - Nghị quyết số 6/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương
6.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

**Biểu 1****BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÍ THẨM THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOẶC PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

<b>Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
≤15	0,019
25	0,017
50	0,015
100	0,0125
200	0,01
500	0,0075
1.000	0,0047
2.000	0,0025
5.000	0,002
≥10.000	0,001

**Biểu 2**  
**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ,**  
**PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**1. Phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở**

*Đơn vị tính: Tỷ lệ %*

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình đề nghị thẩm định (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥8.000
1	Công trình dân dụng	0,165	0,11	0,085	0,065	0,05	0,041	0,029	0,022	0,019
2	Công trình công nghiệp	0,19	0,126	0,097	0,075	0,058	0,044	0,035	0,026	0,022
3	Công trình giao thông	0,109	0,072	0,055	0,043	0,033	0,025	0,021	0,016	0,014
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,121	0,08	0,061	0,048	0,037	0,028	0,023	0,017	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,126	0,085	0,065	0,05	0,039	0,03	0,026	0,019	0,017

**2. Phí thẩm định dự toán xây dựng**

*Đơn vị tính: Tỷ lệ %*

Số TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong dự toán công trình đề nghị thẩm định (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥8.000

1	Công trình dân dụng	0,16	0,106	0,083	0,062	0,046	0,038	0,028	0,021	0,018
2	Công trình công nghiệp	0,185	0,121	0,094	0,072	0,055	0,041	0,033	0,023	0,02
3	Công trình giao thông	0,106	0,068	0,054	0,041	0,031	0,024	0,02	0,014	0,012
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,117	0,076	0,06	0,046	0,035	0,026	0,022	0,016	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,122	0,082	0,062	0,047	0,037	0,029	0,024	0,017	0,014